

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương I **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 15/12/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0059	Vũ Duy Hiếu	07/12/2000				
2	TA0060	Nguyễn Xuân Lộc	30/03/1998				
3	TA0061	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/08/2000				
4	TA0062	Nguyễn Thị Hương	05/08/2003				
5	TA0063	Chu Hồng Nhung	13/11/1999				
6	TA0064	Giáp Văn Luyện	21/06/2000				
7	TA0065	Phạm Thanh Tùng	03/06/1999				
8	TA0066	Vũ Thuỳ Linh	01/01/2000				
9	TA0067	Bùi Thị Hoa	01/03/2000				
10	TA0068	Nguyễn Thị Bích	04/12/2000				
11	TA0069	Đỗ Văn Khải	18/09/1999				
12	TA0070	Tô Ngọc Dậu	05/04/1999				
13	TA0071	Phạm Anh Đức	24/05/1999				
14	TA0072	Thái Bá Tài	02/02/1998				
15	TA0073	Nguyễn Thuý Đào	29/06/1999				
16	TA0074	Đoàn Thế Phong	29/07/1999				
17	TA0075	Nguyễn Hà Phúc	10/09/1999				
18	TA0076	Nguyễn Thanh Hiền	27/01/1999				
19	TA0077	Tổng Ngọc Anh	25/02/1999				
20	TA0078	Tạ Thu Hà	12/09/1999				
21	TA0079	Tô Huy Minh	23/09/1999				
22	TA0080	Nguyễn Quang Tiến	11/07/1999				
23	TA0081	Võ Hồng Mạnh	14/02/1999				
24	TA0082	Nguyễn Văn Minh	28/09/1999				
25	TA0083	Đoàn Hữu Chiến	26/12/1999				
26	TA0084	Dương Thị Yến	11/12/1999				
27	TA0085	Đoàn Hồng Quân	02/06/1999				
28	TA0086	Phùng Khánh Thành	24/07/1995				
29	TA0087	Nguyễn Thị Hoa	09/04/2000				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)